

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 01/EGS-CV ngày 25/7/2025 và Công văn số 02/EGS-CV ngày 08/8/2025 của Công ty TNHH Gốm sứ ETRILLION về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án Thung lũng Gốm sứ ASEAN Việt Nam tại Cụm Công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1027/TTr-SNNMT ngày 11/8/2025 và Công văn số 9816/SNNMT-MT ngày 15/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Gốm sứ ETRILLION (địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ, xã Nông Công và xã Yên Thọ, tỉnh Thanh Hoá) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Thung lũng Gốm sứ ASEAN Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Thung lũng Gốm sứ ASEAN Việt Nam tại Cụm Công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại Cụm Công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ thuộc địa bàn các xã Nông Công và xã Yên Thọ, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2803179703 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/7/2025.

1.4. Mã số thuế: 2803179703.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Sản xuất sản phẩm gốm sứ dùng trong sinh hoạt hàng ngày và gốm sứ công nghiệp, thiết bị vệ sinh (thuộc các mã ngành VSIC: 2393, 2392).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích sử dụng: 322.345,16 m².

- Dự án đầu tư nhóm III, theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 170.000.000 sản phẩm/năm, sử dụng khoảng 4.560 lao động.

- Công nghệ sản xuất:

+ Quy trình công nghệ pha chế hồ men: Nguyên liệu → Kiểm tra → Pha liệu → Nghiền bi → Kiểm tra → Lọc khử sắt → Khử sắt lần 2 → Lọc → Hồ men.

+ Quy trình công nghệ pha chế đất sét: Nguyên liệu → Kiểm tra → Pha liệu → Nghiền bi → Kiểm tra nồng độ và độ nhớt của hồ men → Lọc khử sắt → Ép đất → Luyện đất lần 1 → Kiểm tra → Luyện đất lần 2 → Luyện đất lần 3 → Ủ đất → Luyện đất lần 4 → Đất sét thông thường hoặc Luyện thêm 1 – 2 lần → Dải đất ép thành hình đĩa.

+ Quy trình công nghệ pha chế bùn gốm: Nguyên liệu → Kiểm tra → Pha liệu → Nghiền bi → Kiểm tra nồng độ và độ nhớt của hồ men → Lọc khử sắt → Ép đất → Luyện đất lần 1 → Khuấy hóa hồ → Ủ đất → Bùn gốm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất khuôn: Thạch cao → Tạo hình → Tạo loại → Pha hồ đổ khuôn → Kẹp khuôn → Kiểm tra → Sấy khô → Khuôn.

+ Quy trình công nghệ sản xuất gốm sứ bằng dây chuyền ép định hình tự động dạng con lăn: Bùn gốm → Đổ vôi tay cầm → Tách khuôn → Sửa mộc → Bán thành phẩm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất gốm sứ bằng dây chuyền ép quay thành hình:

Dải đất → Bánh đất → Tạo hình trên bàn xoay → Sấy cả khuôn → Tách khuôn → Bán thành phẩm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất gốm sứ bằng dây chuyền ép khuôn thành hình: Dải đất → Bánh đất → Ép khuôn thành hình → Tách khuôn → Sửa mộc → Bán thành phẩm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất gốm sứ bằng dây chuyền đổ hồ thành hình (phương pháp đổ rót): Bùn gốm → Đổ chi tiết → Tách khuôn → Sửa mộc → Bán thành phẩm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm gốm hoàn thiện: Sản phẩm bán thành phẩm → Sấy → Rửa nước → Nung sơ bộ → Tráng men → Nung sản phẩm → Mài và kiểm tra sản phẩm → Dán hoa → Sấy hoa → Kiểm tra → Đóng gói → Xuất xưởng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Gốm sứ ETRILLION:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Gốm sứ ETRILLION có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng và Công ty TNHH Công nghiệp Vạn Thắng (trước đây là Công ty cổ phần Tập đoàn Việt Hưng) hoàn thiện hạ tầng và được Chủ tịch UBND tỉnh cấp giấy phép môi trường cho Cụm Công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải

dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo cơ quan cấp giấy phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 22 tháng 8 năm 2025 đến ngày 22 tháng 8 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Nông Công, UBND xã Yên Thọ và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Nông Công;
- UBND xã Yên Thọ;
- Công ty TNHH Gốm sứ ETRILLION;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh tại dự án sau xử lý được dẫn vào trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm Công nghiệp Vạn Thắng – Yên Thọ, không xả thải ra môi trường).

- Ký hợp đồng thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ dự án với Công ty TNHH Công nghiệp Vạn Thắng (chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Vạn Thắng – Yên Thọ và là đơn vị vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải vệ sinh → Đường ống PVC D110 → 11 bể tự hoại 03 ngăn; Nước thải rửa tay chân → Song chắn rác. Toàn bộ nước thải sau bể tự hoại, song chắn rác → Đường ống PVC D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Vạn Thắng – Yên Thọ công suất 1.205 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Nước thải nhà ăn: Nước thải nhà ăn → Đường ống PVC D110 → 03 bể tách dầu mỡ → Đường ống PVC D250 đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của Cụm công nghiệp Vạn Thắng – Yên Thọ công suất 1.205 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Đối với nước thải công đoạn chuẩn bị men và tráng men: Toàn bộ nước thải → Đường ống PVC D300 → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 80 m³/ngày để xử lý → Một phần tái sử dụng và một phần về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ công suất 1.205 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Đối với nước thải công đoạn nghiền phối liệu, công đoạn đổ rót và tạo hình và công đoạn rửa gia công mộc và vệ sinh sản phẩm: Toàn bộ nước thải → Đường ống PVC D300 → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 320 m³/ngày để xử lý → Một phần tái sử dụng và một phần về Hệ thống xử lý nước

thải tập trung của cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ công suất 1.205 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường..

+ Đối với nước thải vệ sinh hệ thống làm mát thiết bị lò nung: Toàn bộ nước thải → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ công suất 1.205 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất (từ công đoạn chuẩn bị men và tráng men; công đoạn nghiền phối liệu, công đoạn đổ rót và tạo hình và công đoạn rửa gia công mộc và vệ sinh sản phẩm) → Hồ thu gom nước thải → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể nạp lọc → Cột lọc than hoạt tính → Một phần tái sử dụng và một phần về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ.

- Xử lý bùn: Bể chứa bùn → Máy ép bùn → Thu gom theo quy định.

- Máy móc, thiết bị: Chủ yếu là các máy bơm chìm, bơm ly tâm chuyên dụng, máy khuấy trộn, máy thổi khí, hệ thống phân phối khí và bơm định lượng.

- Công suất thiết kế:

+ 01 hệ thống 80 m³/ngày.đêm.

+ 01 hệ thống 320 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer A (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A của Phụ lục này).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo hợp đồng xử lý nước thải với Công ty TNHH Công nghiệp Vạn Thắng (chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Vạn Thắng – Yên Thọ và là đơn vị vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp).

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Vạn Thắng – Yên Thọ để tiếp tục xử lý.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống dây chuyền rửa nước tại tầng 01 xưởng 01.
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ hệ thống 12 dây chuyền tráng men thứ nhất tại tầng 02 xưởng 01.
- Nguồn số 03: Bụi thải phát sinh từ hệ thống 12 dây chuyền tráng men thứ hai tại tầng 02 xưởng 01.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ hệ thống 12 dây chuyền tráng men thứ nhất tại tầng 02 xưởng 01.
- Nguồn số 05: Khí phát sinh từ hệ thống 12 dây chuyền tráng men thứ hai tại tầng 02 xưởng 01.
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ hệ thống 16 dây chuyền định hình tại tầng 01 xưởng 02.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ hệ thống 11 dây chuyền tráng men tại tầng 02 xưởng 02.
- Nguồn số 08: Khí thải từ hệ thống lò nung sơ bộ tại tầng 01 xưởng 01.
- Nguồn số 09: Khí thải từ hệ thống lò nung men tại tầng 02 xưởng 01.
- Nguồn số 10: Khí thải từ hệ thống lò nung con thoi tại tầng 02 xưởng 01.
- Nguồn số 11: Khí thải từ hệ thống lò nung sơ bộ tại tầng 01 xưởng 02.
- Nguồn số 12: Khí thải từ hệ thống lò nung men tại tầng 02 xưởng 02.
- Nguồn số 13: Khí thải từ hệ thống lò nung con thoi tại tầng 02 xưởng 02.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 tương ứng với nguồn khí thải số 01, được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải sau đó qua ống thoát khí cao 20 m thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170777 (m); Y=563218 (m)
- Dòng khí thải số 02 tương ứng với nguồn khí thải số 02, được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải sau đó qua ống thoát khí cao 15 m thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170771 (m); Y=563217 (m).

- Dòng khí thải số 03 tương ứng với nguồn khí thải số 03, được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải sau đó qua ống thoát khí cao 20 m thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170771 (m); Y=563259 (m).

- Dòng khí thải số 04 tương ứng với nguồn khí thải số 04, được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải sau đó qua ống thoát khí cao 20 m thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170775 (m); Y=563206 (m).

- Dòng khí thải số 05 tương ứng với nguồn khí thải số 05, được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải sau đó qua ống thoát khí cao 20 m thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170778 (m); Y=563240 (m).

- Dòng khí thải số 06 tương ứng với nguồn khí thải số 06, được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải sau đó qua ống thoát khí cao 15 m thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170739 (m); Y=563480 (m).

- Dòng khí thải số 07 tương ứng với nguồn khí thải số 07, được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải sau đó qua ống thoát khí cao 20 m thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170732 (m); Y=563506 (m).

- Dòng khí thải số 08 tương ứng với nguồn khí thải số 08, khí thải được xả qua ống khói cao 15 m. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170756 (m); Y=563173 (m).

- Dòng khí thải số 09 tương ứng với nguồn khí thải số 09, khí thải được xả qua ống khói cao 15 m. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170712 (m); Y=563145 (m).

- Dòng khí thải số 10 tương ứng với nguồn khí thải số 10, khí thải được xả qua ống khói cao 15 m. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170710 (m); Y=563178(m).

- Dòng khí thải số 11 tương ứng với nguồn khí thải số 11, khí thải được xả qua ống khói cao 15 m. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170754 (m); Y=563471(m).

- Dòng khí thải số 12 tương ứng với nguồn khí thải số 12, khí thải được xả qua ống khói cao 15 m. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170713 (m); Y=563418(m).

- Dòng khí thải số 13 tương ứng với nguồn khí thải số 13, khí thải được xả qua ống khói cao 15m. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2170717 (m); Y=563391 (m).

(theo tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105° múi chiếu 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 593.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 60.000 m³/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 75.000 m³/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 75.000 m³/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 75.000 m³/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 75.000 m³/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).
- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 60.000 m³/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).
- Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 75.000 m³/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).
- Dòng khí thải số 08: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 16.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 09: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 24.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 10: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 6.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 11: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 16.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 12: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 24.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 13: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 12.000 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả thải: Xả liên tục khi Nhà máy hoạt động.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải từ số 01, 04, 05 và 07		QCVN 19:2024/BTNMT		
1	SO ₂	mg/Nm ³	≤350	06 tháng/01 lần	Không thuộc đối tượng
2	NO _x	mg/Nm ³	≤500		
3	CO	mg/Nm ³	≤450		
4	HCl	mg/Nm ³	≤20		
5	HF	mg/Nm ³	≤4		
II	Dòng khí thải số 02, 03 và 06		QCVN 19:2024/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤100	06 tháng/01 lần	Không thuộc đối tượng

III	Dòng khí thải từ số 08, 09, 10, 11, 12 và 13		QCVN 19:2024/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	SO ₂	mg/Nm ³	≤130	06 tháng/01 lần lấy đại diện tại 02 ống khói của 02 lò nung	Không thuộc đối tượng
2	NO _x	mg/Nm ³	≤400		
3	CO	mg/Nm ³	≤300		
4	HCl	mg/Nm ³	≤20		
5	HF	mg/Nm ³	≤3		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 01, 02, 03 và 06: Khí thải được thu gom, xử lý giống nhau. Bụi phát sinh → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Môi trường.

- Nguồn số 04, 05 và 07: Khí thải được thu gom, xử lý giống nhau. Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thải → Môi trường bên ngoài.

- Nguồn số 08, 09, 10, 11, 12 và 13: Khí thải thoát ra tự nhiên thông qua ống thải không sử dụng hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Nguồn số 01, 02, 03, và 06 (Công trình, thiết bị xử lý khí thải giống nhau): Bụi phát sinh → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Môi trường.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất

- Nguồn số 04, 05 và 07 (Công trình, thiết bị xử lý khí thải giống nhau): Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thải → Môi trường bên ngoài.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch hấp thụ NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải của nhà máy, nếu có dấu hiệu hỏng hóc thì tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị của hệ thống thu gom, xử lý khí thải đúng theo yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất; đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (quy định tại khoản 2, Mục 13 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường). Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày Dự án hoàn thành thi công xây dựng.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải từ dòng số 01 đến dòng số 13.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Thân ống thải của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4. Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.2. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.3. Bố trí đầy đủ sàn thao tác, lỗ thu mẫu để quan trắc, lấy mẫu môi trường định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

3.4. Báo cáo cơ quan cấp giấy phép môi trường về kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Thực hiện trách nhiệm của chủ cơ sở trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.6. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định khoản 11 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện dự phòng tại phòng biến áp và phân phối điện cao;
- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy nén khí, máy bơm phục vụ hoạt động của 02 hệ thống xử lý nước thải sản xuất của dự án;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực các nhà xưởng sản xuất (quạt, động cơ, máy nghiền bi,).
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ các hệ thống xử lý khí thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm cao su cho các động cơ để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Cartridge mực, mực in thải (hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại)	08 02 04	10
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng thải	16 01 06	80
3	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải	16 01 13	20
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	650
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa hóa chất, dung môi hữu cơ	18 01 02	350
6	Bao bì mềm có chứa hóa chất, dung môi hữu cơ	18 01 01	300
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa hóa chất, dung môi hữu cơ	18 01 03	250
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	200
9	Pin mặt trời thải	19 02 08	800
10	Các loại pin thải khác	19 06 05	40
11	Than hoạt tính đã qua sử dụng	12 01 04	520
12	Bùn thải từ hệ thống XLNT có chứa thành phần nguy hại (trạm xử lý NT công nghiệp)	12 06 05	1.140.000
Tổng khối lượng			1.143.610

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì nhựa, Nilon	172.800
2	Giấy, bao bì giấy (Bìa carton,...)	3.230
3	Khuôn thạch cao hồng	150.000
4	Sản phẩm hồng, thải bỏ	4.000.000
5	Bụi thu hồi từ hoạt động sản xuất trong khuôn viên nhà máy (đối với nhà sản xuất hàng gốm sứ)	120.000
6	Kim loại thải, không dính nhiễm thành phần nguy hại (sắt được lọc ra từ quá trình chuẩn bị nguyên liệu)	4.250
	Tổng	4.450.280

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: 626,64 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 100 m²;
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng; chia thành các ngăn chứa riêng biệt đối với từng loại chất thải. Khu vực để chất thải nguy hại được đóng kín, bên ngoài cửa có biển cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dẫn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với khuôn thạch cao: Được thu gom và chứa tại khu vực chứa chất thải thông thường, sau đó bán lại cho các đơn vị tư nhân làm nguyên liệu sản xuất. Tần suất thu gom 1 lần/ tháng.

- Đối với bavia, bụi từ khu vực sửa mộc, khu vực phun men: quay lại khu vực nghiền để làm nguyên liệu đầu vào.

- Đối với sản phẩm lỗi có 2 loại: Loại 1 là chưa tráng men, chưa nung Công ty sẽ tận dụng lại để làm nguyên liệu. Loại 2 là sản phẩm đã tráng men và nung nhưng sản phẩm không đạt tiêu chuẩn về chất lượng.

+ Thiết bị lưu chứa: Đối với các sản phẩm lỗi, hỏng thì thu gom đổ vào 1 góc trong kho chứa.

+ Diện tích kho chứa: 3.547,11 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Tường bao kín, mái che, nền láng bê tông chống thấm. Bên trong có bố trí các khu vực chứa từng loại chất thải rắn thông thường, có hệ thống biển báo, mái che, cửa ra vào theo đúng quy định.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 10 thùng chứa loại 10 lít, 20 lít, 50 lít đặt tại các khu văn phòng, khu trưng bày sản phẩm, khu nhà bếp, khu nhà ăn, ... và trang bị 10 thùng chứa loại 250 lít, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

- Thực hiện thu gom trong ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải, khí thải.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG XÂY DỰNG

1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để có kế hoạch thi công hợp lý nhằm đảm bảo tiến độ thi công cho dự án. Ví dụ như: trời mưa có thể thi công bên trong công trình như trát, lát gạch, ốp tường....

- Trong thi công móng công trình nếu gặp trời mưa sẽ gây ngập úng, cản trở quá trình thi công. Do đó, đơn vị thi công sẽ trang bị 02 máy bơm nước có công suất 1,5m³/h để bơm nước hố móng công trình.

- Ưu tiên xây dựng hệ thống thoát nước mưa trước theo đúng thiết kế của dự án để sử dụng cho giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành dự án.

- Khu vực công trường thi công được quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác để tránh bị nước mưa cuốn trôi theo vào nguồn nước.

- Thực hiện nạo vét thường xuyên các mương rãnh thoát nước, đặt các vách chắn bùn trên tuyến thoát nước.

2. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân với lưu lượng 2,525 m³/ngày: được thu gom và dẫn về hố lắng có thể tích 4 m³, kích thước (2,0×2×1,0) m chia làm 2 ngăn, thời gian lắng 4h, được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm) để xử lý cùng với nước thải từ hoạt động rửa xe, rửa thiết bị. Nước thải sau lắng sẽ được tận dụng tái tuần hoàn việc rửa xe, thiết bị thi công và chống bụi khu vực công trường.

- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng là 2,225m³/ngày được thu gom bằng 05 nhà vệ sinh di động, kích thước phủ bì: (CxR×S) = (260×90×135) cm; Kích thước lọt lòng mỗi buồng: (CxR×S) = (200×85×100) cm; Dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 1.200 lít. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 03 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

- Đối với nước thải từ ăn uống với lưu lượng $0,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom xử lý sơ bộ qua 01 bể tách dầu với thể tích là 1 m^3 được chia làm 02 ngăn (ngăn tách dầu mỡ + ngăn lắng) để loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ. Kích thước mỗi hồ: (dài x rộng x cao) = $(1 \times 1 \times 1) \text{ m}$, sau đó dẫn về hồ lắng có thể tích 4 m^3 , kích thước $(2 \times 2 \times 1) \text{ m}$ chia làm 2 ngăn, thời gian lắng 4h, được xây dựng bằng cách đào hồ sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm) để xử lý cùng với nước thải từ hoạt động rửa xe, rửa thiết bị. Nước thải sau lắng sẽ được tận dụng tái tuần hoàn việc rửa xe, thiết bị thi công và chống bụi khu vực công trường

3. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải xây dựng

Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe có lưu lượng là $6,84 \text{ m}^3/\text{ngày}$, được thu gom về hồ lắng dung tích 4 m^3 , kích thước $(2 \times 2 \times 1) \text{ m}$ chia làm 2 ngăn, thời gian lắng 4h, được xây dựng bằng cách đào hồ sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm) để xử lý cùng với nước thải từ hoạt động rửa chân tay của công nhân. Nước thải sau lắng sẽ được tận dụng tái tuần hoàn việc rửa xe, thiết bị thi công và chống bụi khu vực công trường.

4. Các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

- Phun ẩm tường các công trình phá dỡ và thực hiện tưới ẩm chống bụi trong suốt quá trình phá dỡ. Thực hiện phá dỡ, bóc xúc vận chuyển đổ thải chất thải từ phá dỡ nhanh gọn, cuốn chiếu theo từng công trình phá dỡ để giảm bụi bốc bay và hạn chế phạm vi tác động.

- Phun nước làm ẩm trên tuyến đường ra vào khu vực dự án, nguồn nước tưới giảm thiểu bụi đường được lấy từ nguồn nước sạch khu vực.

- Bố trí trạm rửa xe để phun nước giảm bụi, tránh bụi đất đá cuốn theo bánh xe làm ảnh hưởng đến tuyến đường bê tông dẫn vào dự án.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Lắp đặt lưới chắn bụi xung quanh các công trình trong quá trình xây dựng; Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, gang tay, kính...theo quy định).

5. Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

5.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

CTRSH của công nhân làm việc trên công trường và lưu trú tại lán trại: bố trí 5 thùng chứa rác chuyên dụng, dung tích 100 lít, có nắp đậy (tại khu vực lán trại bố trí 02 thùng chứa rác); 03 thùng chứa di động tại các khu vực thi công. Cuối ngày bố trí nhân viên dọn vệ sinh đưa rác ra khu vực tập kết rác thải sinh hoạt để đơn vị thu gom rác thu gom đưa đi xử lý

5.2. Đối với chất thải trong quá trình thi công xây dựng:

- Các phế liệu là chất trơ, không gây độc hại như gạch vỡ, đất, cát, đá dư thừa, rơi vãi... có tổng khối lượng khoảng: 33,38 tấn trong toàn bộ thời gian thi công; được thu gom sau mỗi ca làm việc. Lượng chất thải rắn này được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng.

- Các loại gỗ, sắt, thép, bìa các tông, bao bì xi măng 1,29 tấn phát sinh trong quá trình xây dựng được thu gom với tần suất 01 lần/ngày để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Bố trí khu tập kết chất thải có diện tích 60 m² được bố trí ngay gần kho chứa VLXD. Nền được đổ bê tông, có tấm tôn vây xung quanh và bên trên lợp mái. Bố trí 02 thùng ben có dung tích 5 m³/thùng để chứa phế thải xây dựng.

- Bùn từ nạo vét rãnh thoát nước, hố ga, hố lắng tạm: chủ yếu là đất, cát lắng cặn là CTR thông thường. Bùn cặn được lưu trong hố lắng cách xa nguồn nước, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút bùn và chuyển giao, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Lượng chất thải phát sinh khác không thuộc những nhóm phân loại trên được thu gom và lưu trữ tạm thời, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định. Tần suất thu gom 2 – 3 lần/tháng.

6. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải 50 lít có nắp đậy kín, được vây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

7. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người.

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường; Che chắn xung quanh khu vực công trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan môi trường sau:

1. Đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp và chỉ được phép đi vào hoạt động sản xuất khi Cụm công nghiệp Vạn Thắng- Yên Thọ được cấp giấy phép môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/03/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành quy định chi tiết quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24:2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy

định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.